TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **101**/2024/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 9 năm 2024 *V/v : "Tranh chấp hôn nhân và gia đình."*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Quang Vũ;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm;

Bà Bùi Thị Hảo.

- Thư ký phiên toà: ôngNguyễn Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa : Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2024/QĐXXST-DS ngày 04/9/2024giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Khu A, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay anh B đang ở nước ngoài.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*__Nguyên đơn chị__ Lê Thị Ngọc L1 **bày:** Chị và anh Hoàng Văn B1 hôn ngày 03/11/2008 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hòa thuận, không hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Hiện nay anh B đang ở nước ngoài vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh Hoàng Văn B.

Về con chung: chị và anh B có hai con chung là cháu Hoàng Lê Diệu L2, sinh ngày 20/7/2009 và cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 04/7/2012, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu và tự nguyên không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do anh chị đã không liên lạc với nhau nên chị L không biết địa chỉ của anh B ở nước ngoài nên không cung cấp được địa chỉ của anh B cho Toà án. Chị đề nghị Toà án xác minh địa chỉ ở nước ngoài của anh B qua mẹ đẻ anh B, mẹ đẻ anh B là bà Đinh Thị T hiện nay đang ở khu A, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay chị đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải và xin xét xử vắng mặt.

Tạibiên bản lấy lời khai của bà Đinh Thị T ngày 01/12/2023, bà T trình bày: bà là mẹ đẻ anh Hoàng Văn B2, địa chỉ: khu A, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh B hiện đang đi xuất khẩu tại Đài Loan, anh B thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng bà không biết địa chỉ của anh B tại Đài Loan nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình, qua trao đổi điện thoại với anh B ở Đài Loan anh B trình bày hiện nay vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã hàn gắn tình cảm nhưng không được, nay chị L có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Diệu L2, sinh ngày 20/7/2009 và cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 04/7/2012, hiện nay các cháu đang ở ổn định với chị L và gia đình chị L nếu ly hôn anh nhất trí để cả hai cháu ở với chị L. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh B không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ có tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác gia đình đã nhận được và có thông báo đầy đủ cho anh B và có nói lại do điều kiện ở xa nên không về để làm việc được, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Hoàng Văn B. Về con chung: Giao cả hai cháuHoàng Lê Diệu L2, sinh ngày 20/7/2009 và cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị L và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ChịLê Thị Ngọc Lan nộp đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn B3 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn ly hôn chị L trình bày anh B hiện nay đang ở nước ngoài. Theo Công văn số 22426/QLXNC-P5 của Cục Q Bộ C xác định anh Hoàng Văn Bình S ngày 10/10/1984đã xuất cảnh gần nhất ngày 01/6/2022 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Hoàng Văn B đăng ký kết hôn ngày 03/11/2008 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị L và mẹ đẻ anh B có căn cứ xác định cuộc sống chị L, anh B4 sống không hạnh phúc. Anh B hiện nay đang ở nước ngoài, chị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh B ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Đinh Thị T là mẹ đẻ anh B xác nhận anh B hiện nay đang ở Đài Loan, anh B vẫn liên lạc với gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại Đài Loan nênbà không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Đài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh B đang ở nước ngoài nên anh chị không có điều kiện gần gũi để giải quyết mâu thuẫn khắc phục tình trạng hôn nhân. Tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài không có khả năng đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị L và anh B có hai con chung là cháu Hoàng Lê Diệu L2, sinh ngày 20/7/2009 và cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 04/7/2012 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của cháu L2 và cháu M thể hiện tại bản tự khai ngày 12/12/2023 nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu L2 và cháu M do vậy cần chấp nhận là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ: chị L và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 107; 110 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm a, khoản 6 Điều 27 Điều Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc L ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Lê Diệu L2, sinh ngày 20/7/2009 và cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L tự nguyện không yêu cầu.

Anh Hoàng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0000623 ngày 06/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã Cự Thắng, h.Thanh Sơn, T.Phú Thọ;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ